OCB
Ngân Hàng Phương Đông

Niềm tin và thịnh vượng

CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 12/2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số .33.../2020/QĐ-HĐQT ngày 21../02../2020 của Hội Đồng Quản Trị Ngân hàng TMCP Phương Đông)

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Bản công bố thông tin về Tỉ lệ an toàn vốn cho thời điểm ngày 31/12/2019 do Ngân hàng TMCP Phương Đông (gọi tắt là "OCB") lập và công bố để đáp ứng quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 41). Các thông tin trong Bản công bố thông tin được OCB thu thập và tính toán theo quy định tại Thông tư 41 và Quy định nội bộ về thu thập và công bố thông tin an toàn vốn của OCB.

Tính đến ngày 31/12/2019, OCB có 01 công ty con không phải là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con của OCB như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Mã	Công ty con	Vốn điều lệ của Công ty con	Giá trị đầu tư của OCB
1	OIMT	CTY TNHH MTV CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ NHTM PHƯƠNG ĐÔNG	25,000	25,000

2. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

Tính đến ngày 31/12/2019, cơ cấu vốn (vốn cấp 1, vốn cấp 2 và Tổng vốn tự có) của OCB như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản mục vốn	Riêng lẻ	Hợp nhất
1	Vốn cấp 1	11,514,246	11,515,180
2	Vốn cấp 2	430,189	430,189
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	25,000	
	TỔNG VỐN TỰ CÓ = (1) + (2) - (3)	**11,919,434**	**11,945,369**

3. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

3.1. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

OCB đã ban hành Quy trình tính tỉ lệ an toàn vốn và Quy trình công bố thông tin về tỉ lệ an toàn vốn. Theo như quy định thì việc tính và công bố thông tin được thực hiện như sau:

- Thu thập thông tin: các thông tin được lấy trực tiếp từ kho dữ liệu của OCB để giảm thiểu các rủi ro sai lệch về số liệu.
- Tính toán tỉ lệ an toàn vốn: OCB đã phát triển công cụ tính hệ số an toàn vốn cho phép việc tính vốn được thực hiện nhanh, chính xác.
- Kiểm soát kết quả tính toán: khối QLRR là đầu mối phối hợp với các đơn vị nội bộ để xác nhận được tính chính xác của kết quả tính.
- Phê duyệt kết quả và nội dung thông tin công bố: kết quả tính và các nội dung công bố được phê duyệt bởi quản lý cấp cao nhất của OCB trước khi được công bố ra bên ngoài.

3.2. Kế hoạch vốn đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn

OCB đã và đang triển khai các kế hoạch sau để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn:

- Cấu trúc và tối ưu lại danh mục tài sản của Ngân hàng theo định hướng tập trung kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Thực hiện phân bổ vốn tự có của Ngân hàng xuống cho các Khối kinh doanh để quản lý sử dụng vốn hiệu quả.
- Đưa ra các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo lợi nhuận của khách hàng đem về đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng;
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ và bù đắp rủi ro của khách hàng mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

3.3. Tỷ lệ an toàn vốn

Tại thời điểm 31/12/2019, tỉ lệ an toàn vốn của OCB như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiết danh mục	Giá trị
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA)	**95,292,600**
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA_{CR})	94,898,100
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWA_{CCR})	394,500
Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động (K_{OR})	**821,007**
Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường (K_{MR})	**91,957**
Tỉ lệ an toàn vốn cấp 1	**10.79%**
Tỉ lệ an toàn vốn cấp 1 hợp nhất	**10.79%**
Tỉ lệ an toàn vốn (CAR)	**11.17%**
Tỉ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR_{conso})	**11.19%**

4. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

4.1. Nguyên tắc quản lý rủi ro

Công tác quản lý rủi ro đối với từng loại rủi ro cụ thể được quy định trong Chính sách quản lý rủi ro chung của ngân hàng và các Quy chế quản lý rủi ro tương ứng do HĐQT ban hành và được áp dụng thống nhất trong toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Nguyên tắc quản lý rủi ro của OCB bao gồm các điểm chính sau:

- Tuân thủ pháp luật;
- Minh bạch;
- Phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh và chính sách quản lý rủi ro chung của ngân hàng;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Không ngừng nâng cao kiểm soát rủi ro.

Tất cả các quy chế, quy định, quy trình trong hoạt động của ngân hàng đều tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, chính sách rủi ro của ngân hàng. Các nhân viên của OCB khi tác nghiệp đều tuân thủ quy định pháp luật, tuân thủ các quy định nội bộ của ngân hàng.Toàn bộ quy định nghiệp vụ được rà soát định kỳ hoặc theo yêu cầu của Ban lãnh đạo ngân hàng để đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế.

4.2. Rủi ro tín dụng

4.2.1. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (QLRRTD)

Chính sách QLRRTD được OCB công bố tại Khẩu vị rủi ro. Chính sách QLRRTD được truyền thông hiệu quả từ cấp cao nhất đến từng nhân viên của OCB. OCB thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng/lần về tỉ lệ an toàn tài chính, các thay đổi chính sách trong QLRRTD nếu có phát sinh.

Các hạn mức trong rủi ro tín dụng được theo dõi định kỳ (hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng tùy theo từng loại), được cảnh báo, xử lý khi chạm các ngưỡng theo quy định. Các hạn mức cũng được thường xuyên rà soát và đề xuất thay đổi nếu không phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình kinh doanh thực tế.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ, OCB đã liên tục cải tiến, hoàn thiện Quy trình cấp tín dụng, quy trình quản lý tài sản đảm bảo, đảm bảo tiền vay... OCB cũng từng bước tự động hóa, số hóa một số bước trong các quy trình để rút ngắn thời gian cấp tín dụng cho Khách hàng, hồ sơ tín dụng, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu các sai sót, rủi ro, tác động do con người gây ra.

OCB cũng đã áp dụng các mô hình xếp hạng tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng đối với các loại hình khách hàng như khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Ngoài ra OCB cũng đang nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện bộ chỉ tiêu xếp hạng tín dụng cho nhiều phân khúc khách hàng, sản phẩm như: cho Định chế tài chính, Khách hàng cá nhân vay tiêu dùng tín chấp ....

Hoạt động QLRRTD luôn được chú trọng thông qua hoạt động giám sát của quản lý cấp cao là HĐQT, UB QLRR, Tổng giám đốc, Hội đồng rủi ro. Ủy ban QLRR, Hội đồng rủi ro có lịch họp định kỳ, họp đột xuất để bám sát tình hình quản lý rủi ro tại ngân hàng và đưa ra các chỉ đạo kịp thời cho hoạt động quản lý rủi ro tại ngân hàng.

4.2.2. Các tài sản đảm bảo đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng

Danh mục tài sản đảm bảo đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng theo quy định tại điều 12, Thông tư 41 tại OCB bao gồm:

- Giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội.

4.2.3. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng

Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Ngành nghề	RWA
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1,678,112
2	Khai khoáng	91,405
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	7,756,927

4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	6,282,799
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	166,215
6	Xây dựng	13,283,280
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	13,443,687
8	Vận tải kho bãi	6,028,699
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	7,083,724
10	Thông tin và truyền thông	484,964
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	18,153,440
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	4,692,727
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	78,101
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	603,551
15	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	49,570
16	Giáo dục và đào tạo	491,013
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	207,970
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	971,278
19	Hoạt động dịch vụ khác	7,940,200
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5,405,203
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	5,237
Tổng danh mục		**94,898,100**

Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo đối tượng

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Đối tượng	RWA
1	Khoản phải đòi Công ty mua bán nợ của Tổ chức tín dụng (VAMC), Công ty quản lý vốn Nhà nước (DATC)	-
2	Khoản đòi các Tổ chức tín dụng, Tổ chức tài chính	16,150,714

3	Các khoản phải đòi Doanh nghiệp không phải là Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	51,972,594
4	Các khoản phải đòi được đảm bảo bằng bất động sản	2,957,961
5	Khoản cho vay thế chấp nhà ở	248,032
6	Khoản cấp tín dụng bán lẻ	18,558,871
7	Khoản nợ xấu	1,309,688
8	Các loại tài sản nội bảng khác	3,700,239
Tổng danh mục		**94,898,100**

4.3. Rủi ro hoạt động

4.3.1. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ)

a. OCB thực hiện xây dựng chiến lược quản lý rủi ro chung cho tất cả các loại rủi ro, trong đó xác định các loại rủi ro trọng yếu, nhiệm vụ chiến lược và kế hoạch triển khai để hoàn thành chiến lược. Ngoài ra OCB cũng ban hành hệ thống văn bản bao gồm quy chế, quy định, quy trình để thực hiện quản lý rủi ro hoạt động. Hệ thống quản lý hạn mức rủi ro hoạt động của OCB bao gồm: hạn mức tổn thất về tài chính và hạn mức tổn thất phi tài chính.

b. Phần mềm hỗ trợ QLRRHĐ đã được triển khai và tiếp tục được nâng cấp, mở rộng phạm vi áp dụng. Bên cạnh đó, OCB cũng xây dựng cơ chế giám phát hiện sớm gian lận và đi kèm là hệ thống khai báo rủi ro hoạt động nhằm đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn được phát hiện và xử lý nhanh nhất để hạn chế tổn thất.

c. Để đánh giá, đo lường các RRHĐ, OCB đang áp dụng các công cụ sau:

- Thu thập và phân tích số liệu tổn thất nội bộ (Internal loss data collection and analysis);
- Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (Risk Control Self Assessment - RCSA);
  - Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu (Risk and Performance indicators);
  - Công cụ quản lý duy trì hoạt động kinh doanh (Business Control Managemant)

d. Các quy định QLRRHĐ trong hoạt động thuê ngoài, ứng dụng công nghệ và bảo hiểm được xây dựng nhằm:

- Thiết lập các nguyên tắc, cách thức phối hợp giữa các phòng ban nhằm nhận diện, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí;
- Có các phương án chuẩn bị về công nghệ nhằm kiểm soát rủi ro đầy đủ;
- Cơ sở thực hiện, phối hợp giữa các phòng ban trong hoạt động mua bảo hiểm nhằm quản lý/chuyển giao rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí.

4.3.2. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục (BCP)

OCB đã xây dựng BCP bao gồm việc chuẩn bị về địa điểm thay thế, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, nguồn nhân lực, kế hoạch hoạt động... để sẵn sàng kích hoạt sử dụng khi xảy ra các sự cố thảm họa. Ngoài ra OCB đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc ứng phó trong các trường hợp thiên tai/ bão lụt, cháy nổ, cướp tấn công, triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DRP) và tổ chức diễn tập thường xuyên hằng năm nhằm sẵn sàng ứng

phó khi xảy ra các sự cố hay thảm họa.

4.3.3. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động chia theo chỉ số kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	$BI_{Q4.2019}$	6,558,878
2	$BI_{Q4.2018}$	6,692,301
3	$BI_{Q4.2017}$	3,168,968
	Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động (K_{OR})	821,007

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo cấu phần của chỉ số kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Cấu phần	Mục chi tiết	Giá trị bình quân 3 năm	Vốn yêu cầu	RWA
1	IC	Thu nhập lãi	7,236,918	1,085,538	13,569,221
2		Chi phí lãi	4,162,493	624,374	7,804,674
3	SC	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	469,082	70,362	879,528
4		Chi phí từ hoạt động dịch vụ	52,160	7,824	97,801
5		Thu nhập từ hoạt động khác	404,489	60,673	758,417
6		Chi phí từ hoạt động khác	265,560	39,834	497,925
7	FC	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	19,862	2,979	37,242
8		Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	738,793	110,819	1,385,237
9		Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	410,768	61,615	770,191
10		Lãi/ lỗ thuần từ kinh doanh lãi suất/ hàng hóa/ các sản phẩm phái sinh	38,243	5,736	71,705
Tổng danh mục			**5,473,382**	**821,007**	**10,262,592**

4.4. Rủi ro thị trường

4.4.1. Chính sách trong quản lý rủi ro thị trường (QLRRTT)

Quản lý rủi ro thị trường thực hiện kiểm soát và quản lý các rủi ro có thể xảy ra đối với các

trạng thái rủi ro trên sổ kinh doanh của Ngân hàng do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Đảm bảo OCB hoạt động ổn định, giảm thiểu rủi ro gây ra làm ảnh hưởng đến lợi nhuận và/ hoặc vốn.

Việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro thị trường phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh, khẩu vị rủi ro và đảm bảo tuân thủ chính sách, quy định của NHNN, Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.4.2. Các công cụ QLRRTT

OCB sử dụng các công cụ sau để đo lường, kiểm soát và thực hiện báo cáo đối với rủi ro thị trường, theo nguyên tắc các rủi ro thị trường có mức độ trọng yếu phải được đo lường nhằm đánh giá tác động ngắn hạn và dài hạn lên thu nhập và vốn của OCB trong hiện tại và tương lai:

- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo giá thị trường (Mark to market)
- Giá trị rủi ro (Value at Risk- VaR)
- Phương pháp đo lường PV01
- Kiểm tra sức chịu đựng (Stress Testing)
- Hệ thống các hạn mức về quản lý rủi ro thị trường

4.4.3. Danh mục thuộc sổ kinh doanh của OCB

Danh mục các loại tài sản trong sổ kinh doanh của OCB bao gồm:

- Trái phiếu chính phủ,
- Trạng thái ngoại tệ
- Trạng thái vàng.

4.4.4. Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh của OCB được xây dựng dựa trên các dựa báo về tình hình kinh tế vĩ mô, dòng tiền, biến động của các yếu tố thị trường và tình hình tài chính cũng như hạn mức kinh doanh được giao. Từ những nhận định đó, bộ phận tự doanh của OCB sẽ tiếp tục xây dựng danh mục kinh doanh theo hướng tập trung vào các kỳ hạn có thanh khoản cao trên thị trường trong ngắn hạn và xem xét các yếu tố tác động, cung cầu thị trường để cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp trong dài hạn nhằm mang đến lợi nhuận tối đa cho OCB đồng thời cũng kiểm soát rủi ro trong hạn mức cho phép.

4.4.5. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất (K_{IRR})	15,653
2	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu (K_{ER})	-
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối (K_{FXR})	76,304
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa (K_{CMR})	-
5	Vốn yêu cầu cho gia dịch quyền chọn (K_{OPT})	-
	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường (K_{MR})	**91,957**